

Số: 121/2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ - CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố; Nghị định số 73/2009/NĐ - CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ - CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Hướng dẫn 11- HD/UBKTTW ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban kiểm tra Trung ương và Kết luận số 158 - TB/VPTU ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Sau khi xem xét Tờ trình số 55 /TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố; Báo cáo thẩm tra số 289/BC - HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Tán thành Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, bản, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thôn, làng, bản (**gọi chung là thôn**), tổ dân phố, khu phố, khối phố, xóm, tiểu khu (**gọi chung là tổ dân phố**) cụ thể như sau:

1. Về số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố:

1.1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Mỗi xã, phường, thị trấn có 18 chức danh những người hoạt động không chuyên trách; được bố trí tối đa 20 người đối với cấp xã loại 1 và 19 người đối với cấp xã loại 2, loại 3, cụ thể:

- 1) Phó Trưởng Công an (02 người).
- 2) Phó chỉ huy Quân sự (02 người đối với cấp xã loại 1).
- 3) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- 4) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- 5) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- 6) Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- 7) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- 8) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy.
- 9) Văn phòng Đảng ủy.
- 10) Chủ tịch Hội người cao tuổi.
- 11) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ.
- 12) Văn thư – Lưu trữ - Thủ quỹ.
- 13) Đài Truyền thanh.
- 14) Lao động – Thương binh và Xã hội.
- 15) Dân số – Gia đình – Trẻ em.
- 16) Văn hoá - Thể thao.
- 17) Khuyến nông viên (không áp dụng đối với phường).
- 18) Thú y (không áp dụng ở phường).

1.2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

Mỗi thôn thuộc xã có 06 chức danh những người hoạt động không chuyên trách được bố trí tối đa 07 người; mỗi tổ dân phố thuộc phường và thị trấn có 05 chức danh những người hoạt động không chuyên trách được bố trí tối đa 05 người, như sau:

- 1) Bí thư chi bộ.

2) Trưởng thôn, tổ dân phố.

3) Công an viên (thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn) hoặc Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường).

4) Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố (thuộc xã, thị trấn) hoặc Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố thuộc phường).

5) Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố (thuộc xã, thị trấn) hoặc Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường).

6) Nhân viên y tế thôn (đối với 341 thôn thuộc 11 huyện miền núi theo Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh được bố trí 02 người, trong đó có 01 nhân viên y tế thôn là cô đỡ thôn).

2. Về phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, tổ dân phố:

2.1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hưởng phụ cấp hàng tháng theo tháng lương tối thiểu chung:

a) Phó Trưởng Công an, Phó chỉ huy quân sự hưởng hệ số 1,0.

b) Phó chủ tịch UBNDTTQ, Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó chủ tịch Hội Phụ nữ, Phó chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Văn phòng Đảng ủy hưởng hệ số 0,8.

c) Chủ tịch Hội người cao tuổi, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ, Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ, Đài truyền thanh, Lao động - Thương binh và Xã hội, Dân số - Gia đình - Trẻ em, Văn hoá - Thể thao hưởng hệ số 0,7.

Khuyến khích người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm các chức danh nêu tại điểm a, b, c trên đây; người kiêm nhiệm được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

d) Khuyến nông viên: trình độ đại học hưởng hệ số 1,0; cao đẳng được hưởng hệ số 0,8; trung cấp hưởng hệ số 0,7.

e) Thú y: trình độ đại học được hưởng hệ số 0,9; cao đẳng được hưởng hệ số 0,7; trung cấp hưởng hệ số 0,6.

2.2 Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã bằng 3% mức tiền lương tối thiểu chung.

2.3. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng theo tháng lương tối thiểu chung:

- Bí thư chi bộ hưởng hệ số 0,9.

- Trưởng thôn, tổ dân phố hưởng hệ số 0,9.

- Công an viên hoặc Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố hưởng hệ số 0,6

- Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố hoặc Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố hưởng hệ số 0,5

- Nhân viên y tế thôn, hưởng hệ số 0,5 đối với thôn tại các xã khó khăn; hệ số 0,3 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn tại các xã còn lại.

- Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn hoặc Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố hưởng hệ số 0,3.

Trường hợp Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, tổ dân phố được hưởng thêm mức phụ cấp bằng 30% mức phụ cấp của Trưởng thôn, tổ dân phố.

3. Về khoản kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thôn, tổ dân phố:

3.1. Khoản kinh phí hoạt động cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp xã, cụ thể:

Mỗi xã, phường, thị trấn là 10 triệu đồng/năm cho 05 tổ chức.

3.2. Khoản kinh phí hoạt động cho thôn, tổ dân phố và Ban Công tác Mặt trận, Chi Đoàn Thanh niên, Chi Hội Cựu chiến binh, Chi Hội Phụ nữ, Chi Hội Nông dân ở thôn, tổ dân phố; cụ thể:

Mỗi thôn, tổ dân phố là 8 triệu đồng/năm.

Điều 2. Chức danh, số lượng, chế độ chính sách quy định tại Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, quy định cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện.

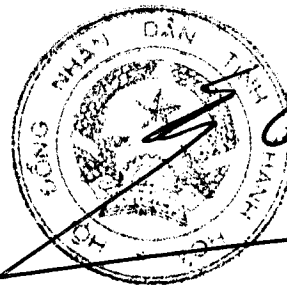
Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2015.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến